TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2022
V/v tranh chấp:"Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy, bà Ngô Thị Thời.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐ-HPT ngày 06/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1985; ĐKHKTT: Số 28/53 T, phường C, H, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú: Số 144B đường V, phường K, L, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh **Ngô Tiến M**, sinh năm 1990; ĐKHKTT và cư trú: Số 28/53 T, phường C, H, tỉnh Hải Dương.

Chị D, anh M đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Phạm Thị D, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Tiến M được tự do tìm hiểu khoảng 6 tháng thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, L, tỉnh Quảng Ninh ngày 09/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh M không còn. Do vậy chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn anh M để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Quang D1, sinh ngày 31/5/2014, sau khi ly thân cháu D1 ở cùng chị, chị làm kế toán có thu nhập ổn định, có nhà riêng và ở gần người thân nên cũng hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu D1. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1, chị tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, anh M vắng mặt tại địa phương. Bố mẹ đẻ anh M xác định anh M đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh M mong chị D suy nghĩ lại để vợ chồng có cơ hội hàn gắn.

Lời khai người thân hai bên gia đình chị D, anh M, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: Chị D, anh M lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Anh M đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 28/53 T, phường C, H, tỉnh Hải Dương hiện đang đi làm trong thành phố S nhưng anh M không nói địa chỉ cụ thể nơi ở mới. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng năm 2015 đến nay mỗi người ở một nơi. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, chính quyền địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Người thân gia đình anh M mong muốn chị D, anh M suy nghĩ lại để vợ chồng hàn gắn còn trường hợp chị D cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Người thân gia đình chị D đề nghị giải quyết cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống và đề nghị cho chị D được tiếp tục nuôi cháu D1; Chị D, anh M không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Ngô Quang D1 thể hiện cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện anh Ngô Tiến M xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất, nhập cảnh trong ngày 10/8/2016 qua cửa khẩu Móng Cái bằng giấy thông hành.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phạm Thị D ly hôn anh Ngô Tiến M; Về con chung: Đề nghị giao cháu Ngô Quang D1, sinh ngày 31/5/2014 cho chị Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị D không đề nghị anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn

cản. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*Anh Ngô Tiến M đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường C, thành phố H hiện đi làm xa nhưng không cung cấp địa chỉ nơi ở mới. Thông qua người thân anh M thể hiện, anh M đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc do vậy thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Ngô Tiến M vẫn vắng mặt. Chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D, anh M là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh M được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị D, anh M là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, thương yêu nhau. Vợ chồng đã ly thân từ 2015 đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh M. Xác minh tại chính quyền địa phương, người thân hai bên gia đình chị D, anh M thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Thông qua người thân, anh M có quan điểm mong muốn chị D suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Tòa án tổ chức phiên hòa giải nhưng anh M cũng không đến Tòa án làm việc thể hiện anh M không thực sự thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy chị D, anh M đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị D ly hôn anh M là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Quang D1, sinh ngày 31/5/2014, chị D có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu D1. Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi ly thân cháu D1 ở cùng chị D, cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho cháu D1 cần tiếp tục giao cháu D1 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị D, người thân gia đình anh M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị D xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị D ly hôn anh Ngô Tiến M.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Quang D1, sinh ngày 31/5/2014 cho chị Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị D không yêu cầu anh Ngô Tiến M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh M có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0001852 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị D và anh Ngô Tiến M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường K, L, tỉnh Quảng Ninh để lưu hộ tịch (ĐKKH: 09/12/2009);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan